

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANH  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 271/2024/HNGĐ-ST.  
Ngày 27 – 12 – 2024.  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Như Nguyễn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Cao Chí Khá.

Bà Phạm Kim Ngọc.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2024/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Mai Thị N.

Địa chỉ: Ấp 7, xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Mai Văn T.

Địa chỉ: Ấp 7, xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 5, Cục C10, Bộ Công an thuộc ấp Thạnh Xuân, xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị N trình bày: Chị và anh Mai Văn T chung sống với nhau vào năm 2013, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xung đột gia đình không thể hòa giải, hàn gắn được. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên đã sống ly thân với nhau. Đến tháng 6/2023 thì anh Mai Văn T đi chấp hành án đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị quyết định ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Mai Nhã U (giới tính nữ), sinh ngày 11/7/2017, hiện đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Mai Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Mai Văn T.

Về con chung: Chị Mai Thị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Mai Thị N vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại bản tự khai lập ngày 12/12/2024 tại Trại giam Kênh 5, Cục C10, Bộ Công an, bị đơn anh Mai Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung như chị Mai Thị N đã trình bày là đúng. Chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Mai Thị N. Về con chung anh đồng ý giao cho chị Mai Thị N được quyền nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Mai Văn T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mai Thị N và anh Mai Văn T chung sống với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án cũng tạo điều kiện hoà giải nhưng cả hai bên đều yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không hoà giải được, hiện nay chị Mai Thị N và anh Mai Văn T đều đồng ý ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Mai Thị N được ly hôn với anh Mai Văn T.

[2] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Mai Nhã U (giới tính nữ), sinh ngày 11/7/2017, chị Mai Thị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh Mai Văn T cũng đồng ý giao con chung cho chị Mai Thị N được quyền nuôi dưỡng, không cấp dưỡng. Xét thấy con chung tên Mai Nhã U hiện nay chưa thành niên nhưng đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến thì cháu Mai Nhã U cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Mai Thị N khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Mai Nhã U cho chị

Mai Thị N được quyền nuôi dưỡng. Anh Mai Văn T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Mai Thị N chưa có yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Mai Thị N và anh Mai Văn T đều khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Mai Thị N phải chịu.

[5] Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Chị Mai Thị N là nguyên đơn, anh Mai Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Mai Thị N được ly hôn với anh Mai Văn T.

2. Về con chung: Chị Mai Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Mai Nhã U (giới tính nữ), sinh ngày 11/7/2017. Anh Mai Văn T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Mai Thị N chưa có yêu cầu. Anh Mai Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc chị Mai Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Mai Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0001318 ngày 04/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị N và anh Mai Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy,  
tỉnh Hậu Giang;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Như Nguyễn**